|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ** | | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/NQ-HĐND | *Quảng Trị, ngày  tháng 6 năm 2021* | |

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc ban hành Quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư**

**trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ   
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước /2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03/6/2008;*

*Căn cứ Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;*

*Căn cứ Luật số 71/2017/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư;*

*Xét Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc đề nghị phê duyệt Đề án xây dựng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ ...., Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII nhiệm kỳ 2021-2026,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Đề án xây dựng quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 3.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Các quy định trước đây trái với Nghị quyết này đều bị bãi bỏ.

**Điều 4**. Tổ chức thực hiện

Giao UBND tỉnh ban hành Quyết định cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện tốt Nghị quyết này. Trường hợp chính sách của Nhà nước có sự thay đổi, giao UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để điều chỉnh cho phù hợp.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trân tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VII, Kỳ họp thứ 23 thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBTV Quốc hội; VPQH; Ban Công tác đại biểu; - Thủ tướng Chính phủ; VPCP;  - Bộ Tài chính; Bộ KH&ĐT;  - Cục kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;  - TT Tỉnh ủy (Báo cáo); VP Tỉnh ủy;  - TT HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;  - VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;  - VP UBND tỉnh (đăng công báo);  - Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;  - TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;  - Báo Quảng Trị; Đài PT-TH tỉnh;  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ....../2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định các nội dung ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với các hoạt động đầu tư kinh doanh thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế).

2. Đối tượng áp dụng.

a. Quy định này được áp dụng đối với các nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư mới hoặc mở rộng thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 5 Điều 15 Luật Đầu tư năm 2020.

b. Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư năm 2020 thực hiện theo quy định của Chính phủ và quy định khác có liên quan.

c. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.**

1. Nhà đầu tư được bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật và áp dụng đầu tư theo quy định tại Điều 13 Luật Đầu tư năm 2020 và Điều 20 Nghị định 31/2021/NĐ-CP.

2. Danh mục dự án thuộc đối tượng áp dụng chính sách hỗ trợ đầu tư được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trên cơ sở dự án đáp ứng nhiều tiêu chí hơn thì được xem xét ưu tiên hỗ trợ.

3. Việc ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Quy định này được thực hiện sau khi dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động theo đúng nội dung, tiến độ được phê duyệt tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và văn bản khác có giá trị tương đương.

4. Trường hợp nhà đầu tư có nhiều dự án thuộc đối tượng được áp dụng chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh thì được ưu tiên xem xét bố trí vốn hỗ trợ. Nhà đầu tư đề xuất 01 dự án để được áp dụng chính sách hỗ trợ đầu tư.

**Điều 3. Điều kiện được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.**

1. Điều kiện được hưởng ưu đãi: Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Điều kiện được hỗ trợ đầu tư.

a. Nhà đầu tư có đăng ký nộp thuế tại tỉnh Quảng Trị

b. Nhà đầu tư không có vi phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, thuế, môi trường và các quy định pháp luật khác trong quá trình thực hiện dự án.

c. Dự án chưa được Nhà nước đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào dự án.

d. Dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng. Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt (nếu có).

e. Việc sử dụng đất thực hiện dự án phải đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai.

f. Dự án không chậm tiến độ hoặc tạm ngừng hoạt động, không vi phạm các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc các văn bản có giá trị tương đương.

g. Nhà đầu tư, doanh nghiệp không đang trong các tình trạng sau: Phá sản, tạm ngừng hoạt động, mất khả năng chi trả, đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong giai đoạn điều tra, truy tố.

h. Nhà đầu tư hồ sơ đề xuất hỗ trợ theo đúng quy định.

**Chương II. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

**Điều 4. Ưu đãi về thuế, đất đai và khấu hao tài sản.**

Đối với các hình thức ưu đãi đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 15 Luật Đầu tư năm 2020, tỉnh Quảng Trị cam kết thực hiện: Nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi đãi đầu tư được hưởng mức ưu đãi cao nhất trong khung quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 5. Chính sách hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào dự án:**

**1. Mức hỗ trợ:**

**a. Về giao thông:** Được ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư­ xây dựng đường giao thông trong và ngoài hàng rào dự án nhưng tối đa không quá 03 tỷ đồng.

**b.** **Về cấp điện, cấp thoát nước**: Ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng trạm biến áp, đường điện, cấp thoát nước nhưng không quá 02 tỷ đồng cho tất cả các hạng mục trên.

**2. Thời điểm áp dụng:** Nhà đầu tư tự bỏ vốn để xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào dự án. Sau khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động, căn cứ hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt và khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu, thanh quyết toán, tỉnh sẽ xem xét hỗ trợ kinh phí cho nhà đầu tư.

**Điều 6. Hỗ trợ về đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực:**

**1. Điều kiện áp dụng:**

a. Lao động có hộ khẩu thường trú tại Quảng Trị chưa qua đào tạo hoặc chuyên ngành đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu sử dụng của dự án, cần đào tạo và đào tạo lại.

b. Có hợp đồng lao động và danh sách đóng bảo hiểm xã hội tại cơ quan bảo hiểm xã hội ít nhất 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ xin hỗ trợ (có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội).

c. Dự án đầu tư sử dụng từ 50 lao động thường xuyên trở lên; hoặc từ 30 lao động nữ; hoặc 30 lao động lao động là người dân tộc thiểu số.

d. Nhà đầu tư phải có hồ sơ đề xuất hỗ trợ gửi đến Sở Lao động, Thương binh và Xã hội để có căn cứ làm thủ tục hỗ trợ.

**2. Mức hỗ trợ:** Mỗi dự án chỉ được hỗ trợ 01 lần tối đa không quá 100 triệu đồng.

a. Hỗ trợ chi phí đào tạo với mức 500.000 đồng/01 lao động đối với loại hình đào tạo nghề sơ cấp.

b. Hỗ trợ 1.000.000 đồng/01 lao động đối với loại hình đào tạo nghề trung cấp hoặc lao động sử dụng công nghệ kỹ thuật cao.

c. Hỗ trợ 2.000.000 đồng/01 lao động đối với loại hình đào tạo nghề trình độ cao đẳng.

d. Nguồn hỗ trợ được cấp từ nguồn kinh phí đào tạo hàng năm của tỉnh và được hỗ trợ thông qua các cơ sở dạy nghề của tỉnh, huyện; các chương trình, dự án, hoạt động đào tạo nghề của các đơn vị có liên quan.

**Điều 7. Hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước.**

1. Điều kiện áp dụng:

a. Cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện di dời theo Quyết định của cơ quan nhà nước vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b. Việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh được thực hiện theo quy định của pháp luật về Đất đai và pháp luật khác có liên quan.

c. Nhà đầu tư cung cấp đầy đủ hồ sơ, bao gồm: Quyết định di dời/thu hồi địa điểm sản xuất, kinh doanh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương); Giấy phép xây dựng của dự án đầu tư tại vị trí mới do cơ quan có thẩm quyền cấp; Đơn đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất; Giấy xác nhận của cấp xã về thời gian doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất đã ngừng hoạt động tại vị trí cũ và tổ chức di dời (bản chính).

2. Mức hỗ trợ:

a. Mỗi cơ sở di dời được hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời, lắp đặt thiết bị máy móc và nhà xưởng tối đa không quá 200.000.000 đồng.

b. Các cơ sở sản xuất thuộc đối tượng di dời, nhưng tự chấm dứt hoạt động sẽ được hỗ trợ một lần để giải quyết những khó khăn sau khi chấm dứt hoạt động. Mức hỗ trợ là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng)/m2 nhà xưởng tại thời điểm chấm dứt hoạt động, nhưng không quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)/cơ sở.

**Điều 8. Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin.**

1. Hỗ trợ về giới thiệu sản phẩm:

a. Hỗ trợ miễn phí trong việc quảng cáo, giới thiệu hình ảnh của doanh nghiệp, sản phẩm trên Trang thông tin điện tử tỉnh Quảng Trị ([www.quangtri.gov.vn](http://www.quangtri.gov.vn)) và Trang thông tin điện tử của các Sở, ban ngành, địa phương nếu doanh nghiệp có đề nghị.

b. Được xem xét, hỗ trợ giới thiệu thông tin, hình ảnh về doanh nghiệp và sản phẩm trong các ấn phẩm quảng bá, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của tỉnh.

2. Hỗ trợ về cung cấp thông tin, tư vấn về thủ tục đầu tư, kinh doanh:

a. Nhà đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được cung cấp miễn phí thông tin về môi trường đầu tư, kinh doanh, quy hoạch ngành, nghề đầu tư, quy hoạch sử dụng đất; tiếp cận quỹ đất khi nghiên cứu, thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

b. Được hỗ trợ, tư vấn miễn phí về thủ tục thành lập doanh nghiệp; hồ sơ thủ tục hành chính về đầu tư, kinh doanh, thủ tục về đất đai, thủ tục về xây dựng, thủ tục về môi trường và các thủ tục hành chính khác khi có nhu cầu.

c. Được hỗ trợ tư vấn miễn phí về pháp lý và giải quyết khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động.

3. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch

a. Doanh nghiệp, nhà đầu tư được tạo điều kiện, hỗ trợ tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch do tỉnh tổ chức hoặc tỉnh có đại diện tham dự ở trong và ngoài nước;

b. Ngân sách tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí cho các nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc đầu tư vào địa bàn ưu đãi đầu tư khi tham gia các hội nghị, hội chợ, triển lãm để quảng bá, tìm kiếm, mở rộng thị trường. Mức hỗ trợ là 50% chi phí thuê gian hàng và chi phí vận chuyển sản phẩm nhưng tổng hỗ trợ tối đa không quá 40.000.000 đồng/doanh nghiệp/năm.

**Chương III**

**KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.**

1. Kinh phí để thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư được bố trí từ các nguồn sau:

a. Hằng năm, ngân sách tỉnh cân đối bố trí tối thiểu 6.000.000.000 (Sáu tỷ) đồng để thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định này.

b. Nguồn kinh phí tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ chế bố trí ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

a) Nhà đầu tư được xem xét khấu trừ số tiền thuế, tiền thuê đất phải nộp và các khoản miễn, giảm khác khi được áp dụng chính sách ưu đãi tại Điều 4 Nghị quyết này theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Đối với các trường hợp áp dụng hỗ trợ đầu tư ngoài điểm a khoản 2 Điều này, Nhà đầu tư tự bỏ vốn thực hiện dự án; Sau khi dự án đi vào hoạt động và được cơ quan có chức năng xác nhận; Căn cứ hồ sơ đề xuất bố trí ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, thẩm định, xem xét quyết định việc bố trí vốn ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và cách thức thực hiện ưu đãi, hỗ trợ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBTV Quốc hội; VPQH; Ban Công tác đại biểu; - Thủ tướng Chính phủ; VPCP;  - Bộ Tài chính; Bộ KH&ĐT;  - Cục kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;  - TT Tỉnh ủy (Báo cáo); VP Tỉnh ủy;  - TT HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;  - VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;  - VP UBND tỉnh (đăng công báo);  - Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;  - TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;  - Báo Quảng Trị; Đài PT-TH tỉnh;  - CV phòng CTHĐND;  - Lưu: VT-CTHĐND. | **CHỦ TỊCH** |